

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHIÊN ĐÀN

Biểu 114/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /07/2026 của UBND xã Chiên Đàn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN QUÝ II		SO SÁNH	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	396.324	278.000	215.761	179.364	54,44%	64,52%
I	Các khoản thu 100%	10.580	8.126	5.268	4.972	49,79%	61,19%
1	Phí, lệ phí	660	175	98	54	14,84%	30,66%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	190	190	7	7	3,85%	3,85%
3	Thu khác ngân sách	2.970	1.001	1.607	1.356	54,10%	135,44%
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	140	140	105	105	75,24%	75,24%
5	Lệ phí trước bạ	6.620	6.620	3.450	3.450	52,12%	52,12%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	168.000	52.130	60.198	24.097	35,83%	46,22%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.740	10.325	5.114	4.245	40,14%	41,11%
	Thuế thu nhập cá nhân	4.420	3.669	2.593	2.122	58,66%	57,85%
	Thuế giá trị gia tăng	32.920	27.324	12.340	10.242	37,49%	37,49%
	Thuế tiêu thu đặc biệt	1.200	996	1.345	1.117	112,12%	112,12%
	Thuế Tài nguyên	300	249	26	26		
	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.440	64	438	18	30,39%	28,89%
	Tiền sử dụng đất	11.880	9.504	7.907	6.326	66,56%	66,56%
	Thuế Bảo vệ môi trường	103.100		30.434			
III	Thu chuyển nguồn			18.115	18.115	0,00%	0,00%
V	Thu kết dư ngân sách năm trước					0,00%	0,00%
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	217.744	217.744	132.180,54	132.180,54	60,70%	60,70%
	- Bổ sung cân đối ngân sách	139.103	139.103	69.552,00	69.552,00	50,00%	50,00%
	- Bổ sung có mục tiêu	78.641	78.641	62.628,54	62.628,54	79,64%	79,64%